

Bản án số: 268/2017/DS – PT

Ngày: 06/11/2017

V/v “Tranh chấp di sản thừa kế”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BẾN TRE

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Huỳnh Ngọc Dũng

Các thẩm phán:

Ông Nguyễn Kim Tư

Bà Nguyễn Thị Ngọc Hương

- Thư ký phiên tòa: Bà Phan Thị Thủy Tiên – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bến Tre: Bà Võ Thị Hoa – Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 06 tháng 11 năm 2017, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 229/2017/TLPT- DS ngày 11 tháng 10 năm 2017 về việc “*Tranh chấp di sản thừa kế*”.

Do bản án dân sự sơ thẩm số 37/2017/DS – ST ngày 02 tháng 8 năm 2017 của Tòa án nhân dân huyện Mỏ Cày Bắc bị kháng cáo.

Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 244/2017/QĐ – PT ngày 17 tháng 10 năm 2017 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Võ Thị T1, sinh năm: 1953; (có mặt)

Địa chỉ: ấp T 2, xã B, huyện M, tỉnh Bến Tre.

- Bị đơn: Ông Võ Văn H1, sinh năm: 1956; (có mặt)

Địa chỉ: ấp T 1, xã B, huyện M, tỉnh Bến Tre.

- Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

1. Bà Võ Thị M, sinh năm: 1949;

Địa chỉ: ấp N, xã P, huyện M, tỉnh Bến Tre.

Người đại diện hợp pháp của bà M: chị Lê Thị Đ, sinh năm: 1978; là người đại diện theo ủy quyền. (được ủy quyền theo văn bản ủy quyền ngày 17 tháng 6 năm 2016); (có mặt)

Địa chỉ: ấp T, xã B, huyện M, tỉnh Bến Tre.

2. Bà Võ Thị X, sinh năm: 1951; (có mặt)

Địa chỉ: ấp Đ, xã A, huyện M, tỉnh Bến Tre.

3. Bà Võ Thị L1, sinh năm: 1958; (có mặt)

Địa chỉ: ấp L, xã H, huyện C, tỉnh S.

4. Bà Võ Thị Q, sinh năm: 1963; (có mặt)

5. Bà Nguyễn Thị H2, sinh năm 1957; (có đơn xin xét xử vắng mặt ngày 14/7/2016)

6. Anh Võ Vũ L2, sinh năm: 1987; (vắng mặt)

Cùng địa chỉ: ấp T 1, xã B, huyện M, tỉnh Bến Tre.

7. Chị Trần Thị Ánh N, sinh năm 1981; (có đơn xin xét xử vắng mặt ngày 20/10/2017)

Địa chỉ: ấp X, xã B, huyện M, tỉnh Bến Tre.

- *Người kháng cáo*: bị đơn ông Võ Văn H1.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện đề ngày 25/5/2016 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên Tòa sơ thẩm nguyên đơn bà Võ Thị T1 trình bày:

Bà là con của ông Võ Thành H3 và bà Nguyễn Thị C. Ông H3 và bà C có 10 người con gồm: Võ Thị R, Võ Thị P, Võ Văn K, Võ Văn T2, Võ Thị T1, Võ Thị M, Võ Thị X, Võ Văn H1, Võ Thị Q, Võ Thị L1. Các ông bà Võ Thị R, Võ Thị P, Võ Văn K, Võ Văn T2 đã chết trước ông H3, bà C và không có con. Ông H3 chết vào năm 1968, bà C chết vào năm 2008. Khi chết bà C có để lại di sản là quyền sử dụng đất theo kết quả đo đạc có diện tích 2408,6m² thuộc thửa số 8, tờ bản đồ số 2, tọa lạc tại ấp T 1, xã B, huyện M, tỉnh Bến Tre nhưng không có để lại di chúc. Phần đất này hiện ông Võ Văn H1, anh Võ Vũ L2 và bà Nguyễn Thị H2 đang ở và canh tác. Vào ngày 04/4/2016 gia đình có lập tờ thỏa thuận phân chia di sản với nội dung bà được nhận 400m² đất, bà L1 được nhận 150m² đất và phần diện tích đất còn lại là của ông H1 nhưng ông H1 không đồng ý giao đất cho bà theo như thỏa thuận. Vì vậy, nay bà yêu cầu chia đất làm 06 phần bằng nhau, bà xin nhận một phần một phần có diện tích 413,4m², vị trí nhận như họa đồ hiện trạng sử dụng đất ngày 07/4/2017 thể hiện là thửa A-1. Trước đây bà xin nhận 448,3m² nhưng qua đo đạc thực tế diện tích đất chỉ còn 2480,6m² nên bà rút yêu cầu khởi kiện đối với 34,9m². Bà ở trên phần đất này từ nhỏ đến năm 1972, khi có gia đình không ở nữa nhưng đến năm 1976 bà về ở đến năm 2013 ông H1 không cho bà ở nữa. Ông H1 ở trên phần đất này từ nhỏ đến năm 1989 thì có vợ là bà H2 sau đó ông H1 và bà H2 ở Thanh Tân rồi đi làm ở Đồng Tháp đến năm 2013 mới về ở phần đất này. Trên đất có một căn nhà trước đây do Nhà nước xây dựng nhưng nay nhà đã cũ nên ông H1 đã xây dựng nhà mới. Phần cây trồng trên đất có những cây dừa trên 06 năm tuổi và tràm bông vàng là do bà và bà Q trồng. Dừa trồng vào năm 2004 khi bà C còn sống, trồng để thu hoa lợi phục vụ nhu cầu của gia đình. Những cây trồng còn lại là của ông H1

trồng. Phần cát bơm do bà xin cát của công trình bơm và thuê người lên bờ từ đất ruộng, làm trước khi bà C chết. Bà không yêu cầu chia nhà, vật kiến trúc, cây trồng trên đất, phần cát bơm và công bà lên bờ từ đất ruộng. Đối với phần cây trồng ai nhận phần đất có cây trồng nào thì nhận cây trồng đó. Ngoài ra, trên phần đất đang tranh chấp ông H1 có cho chị Trần Thị Ánh N thuê, bà không đồng ý để chị N tiếp tục sử dụng và thuê phần đất này nữa. Bà đồng ý với kết quả đặc, định giá, không có ý kiến gì khác.

Tại các biên bản lấy lời khai ngày 16/6/2016, ngày 29/12/2016 và trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn Võ Văn H1 trình bày:

Ông thống nhất với lời trình bày của nguyên đơn về mối quan hệ huyết thống và nguồn gốc đất, vị trí, diện tích thửa đất là di sản thừa kế. Trên phần đất này hiện tại có ông, bà Nguyễn Thị H2 (vợ ông), anh Võ Vũ L2 (con ông) đang ở, canh tác và sử dụng. Ông ở đây từ lúc mới sinh ra đến khi lấy vợ sinh con đến nay. Bà C chết vào năm 2008, khi chết không có để lại di chúc phân chia diện tích đất này, các chị em đã có chồng đi theo chồng, chỉ còn lại ông và bà Q ở trên phần đất này. Khi bà C còn sống có nói chia cho bà T1 300m² đất để cất nhà nên nay bà T1 yêu cầu chia thừa kế diện tích đất này làm 06 phần bằng nhau, bà T1 xin nhận 01 phần có diện tích 448,3m² ông không đồng ý, ông chỉ đồng ý cho bà T1 300m². Trước đây bà C có cho bà T1 1.000m² đất nhưng bà T1 đã bán, đối với phần diện tích đất này ông không có tranh chấp vì bà C đã cho bà T1 thì thuộc quyền quyết định của bà T1. Tất cả các cây trồng, công trình trên phần đất đang tranh chấp có cây trồng của ông trồng. Trường hợp Tòa chấp nhận yêu cầu chia thừa kế của bà T1 thì bà T1 phải trả lại cho ông giá trị cây trồng theo giá của Hội đồng định giá. Đồng thời, do trước đây phần đất đang tranh chấp là đất ruộng ông phải lên nương, bơm cát san lấp. Vì vậy, nếu Tòa chấp nhận yêu cầu của bà T1 thì phải xem xét công sức đóng góp của ông đối với phần đất này. Nhưng do ông san lấp và bơm cát thời gian cũng đã lâu nên ông đồng ý với giá đất mà Hội đồng định giá đã định, không yêu cầu định giá cát bơm và ngày công lên bờ. Ngoài ra, trên phần đất đang tranh chấp ông có cho chị Trần Thị Ánh N thuê để mận dứa, hợp đồng sẽ kết thúc vào cuối năm 2017.

Tại đơn yêu cầu độc lập ngày 27/6/2016, các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên Tòa sơ thẩm người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan Võ Thị L1 trình bày:

Bà thống nhất phần trình bày của bà T1 về mối quan hệ huyết thống và nguồn gốc đất, vị trí, diện tích thửa đất là di sản thừa kế. Nay bà yêu cầu chia 2480,6m² đất thuộc thửa số 8, tờ bản đồ số 2, tọa lạc tại ấp T 1, xã B, huyện M, tỉnh Bến Tre làm 06 phần bằng nhau, bà xin nhận một phần có diện tích 413,4m², vị trí xin nhận như họa đồ hiện trạng sử dụng đất ngày 07/4/2017 thể hiện là thửa A-2. Trước đây bà xin nhận 448,3m² nhưng qua đo đạc thực tế diện tích đất chỉ còn 2480,6m² nên bà rút yêu cầu khởi kiện đối với 34,9m². Phần cây

trồng ai nhận phần đất có cây trồng nào thì nhận cây trồng đó bà không yêu cầu chia cây trồng và nhà. Trên phần đất tranh chấp bà có bơm cát và không yêu cầu bồi thường phần cát bơm này. Ngoài ra trên phần đất đang tranh chấp ông H1 có cho chị Trần Thị Ánh N thuê thì số tiền của hợp đồng này bà không yêu cầu chia thừa kế nhưng nếu bà được nhận phần đất trùng vào phần đất chị N thuê thì bà không đồng ý để chị N tiếp tục sử dụng và thuê phần đất này nữa. Bà đồng ý với kết quả đo đạc, định giá, không có ý kiến gì khác.

Tại đơn yêu cầu độc lập đề ngày 27/6/2016 của bà Võ Thị M, các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên Tòa sơ thẩm đại diện theo ủy quyền của bà Võ Thị M là chị Lê Thị Đ trình bày:

Chị thống nhất phần trình bày của bà T1 về mối quan hệ huyết thống và nguồn gốc đất, vị trí, diện tích thửa đất là di sản thừa kế. Nay bà M yêu cầu chia 2480,6m² đất thuộc thửa số 8, tờ bản đồ số 2, tọa lạc tại ấp T 1, xã B, huyện M, tỉnh Bến Tre làm 06 phần bằng nhau, bà M xin nhận một phần có diện tích 413,4m² (thửa A-3), vị trí xin nhận như họa đồ hiện trạng sử dụng đất ngày 07/4/2017 thể hiện. Trước đây bà M xin nhận 448,3m² nhưng qua đo đạc thực tế diện tích đất chỉ còn 2480,6m² nên bà M rút yêu cầu khởi kiện đối với 34,9m². Phần cây trồng thì ai nhận phần đất có cây trồng nào thì nhận cây trồng đó bà M không yêu cầu chia cây trồng, nhà. Ngoài ra trên phần đất đang tranh chấp ông H1 có cho chị Trần Thị Ánh N thuê thì số tiền của hợp đồng này bà không yêu cầu chia thừa kế nhưng nếu bà được nhận phần đất trùng vào phần đất chị N thuê thì bà không đồng ý để chị N tiếp tục sử dụng và thuê phần đất này nữa. Bà đồng ý với kết quả đo đạc, định giá, không có ý kiến gì khác.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 21/6/2016, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan Võ Thị Q trình bày:

Bà thống nhất với lời trình bày của nguyên đơn về mối quan hệ huyết thống và nguồn gốc đất, vị trí, diện tích thửa đất là di sản thừa kế. Bà ở trên phần đất này từ nhỏ đến năm 2009. Đất trước đây là đất ruộng, bà lên bờ nhưng bà không yêu cầu bồi thường phần công sức đóng góp này. Nay bà T1 yêu cầu chia thừa kế diện tích đất này làm 06 phần bằng nhau thì bà không đồng ý, bà chỉ đồng ý cho bà T1 400m² như tại tờ thỏa thuận. Trường hợp Tòa giải quyết phần bà được nhận bà giao lại cho ông H1, bà không nhận phần đất này.

Tại bản tự khai ngày 16/5/2016 và biên bản lấy lời khai ngày 21/6/2016 người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan Võ Thị X trình bày:

Bà thống nhất với lời trình bày của nguyên đơn về mối quan hệ huyết thống và nguồn gốc đất, vị trí, diện tích thửa đất là di sản thừa kế. Nay bà T1 yêu cầu chia thừa kế diện tích đất này làm 06 phần bằng nhau thì bà không đồng ý. Trường hợp Tòa giải quyết phần bà được nhận bà giao lại cho ông H1, bà không nhận phần đất này.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 14/7/2016, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan Nguyễn Thị H2 trình bày:

Bà là vợ ông Võ Văn H1, hiện bà đang ở trên phần đất tranh chấp thuộc thửa số 8, tờ bản đồ số 2, tọa lạc tại ấp T 1, xã B, huyện Mỏ Cày Bắc, tỉnh Bến Tre. Bà về ở phần đất này từ năm 1989 đến nay, bà không có trồng cây, tu bổ đất, làm nhà cửa trên phần đất này. Phần đất này là của mẹ chồng bà là bà Nguyễn Thị C để lại cho ông H1 nên thuộc quyền quyết định của ông H1 bà không có liên quan gì. Bà không yêu cầu Tòa giải quyết vấn đề gì liên quan đến phần đất này. Vì lý do bận đi làm nên bà xin được vắng mặt vào các lần mời của Tòa.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 05/7/2016, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan Võ Vũ L2 trình bày:

Anh là con ruột của ông Nguyễn Văn H1, hiện anh ở trên phần đất đang tranh chấp thuộc thửa số 8, tờ bản đồ số 2, tọa lạc tại ấp T 1, xã B, huyện M, tỉnh Bến Tre. Anh không có trồng cây, tu bổ đất làm nhà cửa trên phần đất này. Phần đất này là của cha anh ông Võ Văn H1 nên thuộc quyền quyết định của ông H1, anh không có liên quan gì. Anh không yêu cầu Tòa giải quyết vấn đề gì liên quan đến phần đất này.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 29/12/2016, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan Trần Thị Ánh N trình bày:

Chị có hợp đồng thuê của ông Võ Văn H1 khoảng 1.000m² đất thuộc thửa số 8, tờ bản đồ số 2, tọa lạc tại ấp T 1, xã B, huyện M, tỉnh Bến Tre. Diện tích đất chị thuê tính ranh bên hàng rào công trình tính từ cột rào thứ 9 (từ ngoài vào) ra tới bờ sông, ranh gần nhà thì được tính từ cột ranh mới đến cây dừa nhỏ (gần cây xoài) ra bờ sông. Thời gian thuê kéo dài 03 năm, từ ngày 15/01/2015 đến ngày 15/01/2018, giá thuê 1.500.000đồng/ tháng, chị đã thanh toán cho ông H1 được 41 triệu đồng tính đến thời điểm này. Hợp đồng chị và ông H1 ký vào ngày 22/12/2014 có hai bên ký tên. Trên phần đất thuê chị có bơm cát 06 triệu đồng để chứa mùn dừa nhưng chị không yêu cầu bồi thường phần công sức đóng góp này. Nay phần đất này đang tranh chấp nếu ai được nhận phần đất chị đang thuê thì chị sẽ tiếp tục thực hiện hợp đồng với người đó.

Sau khi hòa giải không thành Tòa án nhân dân huyện Mỏ Cày Bắc đưa vụ án ra xét xử với quyết định:

Căn cứ vào các Điều 147, 157, 217, 218, 227, 228, 244 Bộ luật Tố tụng dân sự, các Điều 649, 650, 651 và 660 Bộ luật Dân sự năm 2015, Pháp lệnh về án phí, lệ phí Tòa án năm 2009.

Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện chia thừa kế quyền sử dụng đất theo pháp luật của bà Võ Thị T1, bà Võ Thị L1, bà Võ Thị M đối với phần đất có

diện tích 34,9m² thuộc một phần thửa số 8, tờ bản đồ số 1 (thửa cũ là thửa số 6, tờ bản đồ số 1), tọa lạc tại ấp T 1, xã B, huyện M, tỉnh Bến Tre.

Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Võ Thị T1.

Chấp nhận một phần yêu cầu độc lập của người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan Võ Thị M.

Chấp nhận một phần yêu cầu độc lập của người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan Võ Thị L1.

Cụ thể tuyên:

Chia thừa kế di sản của bà Nguyễn Thị C diện tích đất 2480,6m² thuộc thửa số 8, tờ bản đồ số 1 (thửa cũ là thửa số 6, tờ bản đồ số 1), tọa lạc tại ấp T 1, xã B, huyện M, tỉnh Bến Tre như sau:

Bà Võ Thị T1 được quyền sử dụng đất 386,8m² (thửa A-5), thuộc một phần thửa số 8, tờ bản đồ số 1 (thửa cũ là thửa số 6, tờ bản đồ số 1), tọa lạc tại ấp T 1, xã B, huyện M, tỉnh Bến Tre và cây trồng trên đất do ông Võ Văn H1, bà Nguyễn Thị H2 và anh Võ Vũ L2 có trách nhiệm giao lại. Phần đất có tứ cận:

Phía Bắc: giáp một phần thửa số 8 (A-6) cạnh dài 36,93m.

Phía Nam: giáp thửa số 9 cạnh dài 20,67 m.

Phía Đông: giáp Quốc lộ 60 cạnh dài 29,05m.

Phía Tây: giáp thửa số 9 cạnh dài 13,08m.

Bà Võ Thị L1 được quyền sử dụng đất 386,8m² (thửa A-6), thuộc một phần thửa số 8, tờ bản đồ số 1 (thửa cũ là thửa số 6, tờ bản đồ số 1), tọa lạc tại ấp T 1, xã B, huyện M, tỉnh Bến Tre và cây trồng trên đất do ông Võ Văn H1, bà Nguyễn Thị H2 và anh Võ Vũ L2 có trách nhiệm giao lại. Phần đất có tứ cận:

Phía Bắc: giáp một phần thửa số 8 (A-7) cạnh dài 43,93m.

Phía Nam: giáp một phần thửa số 8 (A-5) cạnh dài 36,93m.

Phía Đông: giáp Quốc lộ 60 cạnh dài 8,32m + 3,59m.

Phía Tây: giáp thửa số 9 cạnh dài 9,36m.

Bà Võ Thị M được quyền sử dụng đất 386,8m² (thửa A-7), thuộc một phần thửa số 8, tờ bản đồ số 1 (thửa cũ là thửa số 6, tờ bản đồ số 1), tọa lạc tại ấp T 1, xã B, huyện M, tỉnh Bến Tre và cây trồng trên đất do ông Võ Văn H1, bà Nguyễn Thị H2 và anh Võ Vũ L2 có trách nhiệm giao lại. Phần đất có tứ cận:

Phía Bắc: giáp một phần thửa số 8 (A) cạnh dài 44,45 m.

Phía Nam: giáp một phần thửa số 8 (A-6) cạnh dài 43,93m.

Phía Đông: giáp Quốc lộ 60 cạnh dài 8,78m.

Phía Tây: giáp thửa số 9 cạnh dài 8,81m.

Ông Võ Văn H1 được quyền sử dụng đất 1320,2m² (thửa A), thuộc một phần thửa số 8, tờ bản đồ số 1 (thửa cũ là thửa số 6, tờ bản đồ số 1), tọa lạc tại ấp T 1, xã B, huyện M, tỉnh Bến Tre, cây trồng và các tài sản gắn liền với đất do ông Võ Văn H1, bà Nguyễn Thị H2 và anh Võ Vũ L2 Đ quản lý. Phần đất có tứ cận:

Phía Bắc: giáp Đường đê (sông Cái Cấm) cạnh dài 26,30m + 22,08m.

Phía Nam: giáp một phần thửa số 8 (A-7) cạnh dài 44,45m.

Phía Đông: giáp Quốc lộ 60 cạnh dài 17,20m + 6,71m.

Phía Tây: giáp thửa số 9 cạnh dài 34,72m.

(Có họa đồ hiện trạng sử dụng đất kèm theo).

Buộc các đương sự phải giữ nguyên hiện trạng phần đất đang tranh chấp thuộc thửa số 8, tờ bản đồ số 1 (thửa cũ là thửa số 6, tờ bản đồ số 1), tọa lạc ấp T 1, xã B, huyện M, tỉnh Bến Tre để đảm bảo thi hành án.

Bà Võ Thị T1, ông Võ Văn H1, bà Võ Thị L1, bà Võ Thị M được quyền liên hệ với cơ quan Nhà nước có thẩm quyền để làm thủ tục cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với diện tích đất được nhận nêu trên theo quy định của pháp luật khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Ngoài ra bản án còn tuyên về chi phí tố tụng, án phí và quyền kháng cáo của các đương sự.

Ngày 05/9/2017 bị đơn là ông Nguyễn Văn H1 kháng cáo.

Theo đơn kháng cáo và lời trình bày của bị đơn là ông Võ Văn H1 tại phiên Tòa phúc thẩm: ông không đồng ý với bản án sơ thẩm, yêu cầu cấp phúc thẩm chấp nhận kháng cáo của ông, sửa bản án sơ thẩm. Ông đồng ý chia thừa kế cho bà Võ Thị T1, bà Võ Thị L1, bà Võ Thị M, bà Võ Thị X mỗi người 300m² đất, chia thừa kế cho bà Võ Thị Q 500m² đất. Tại phiên Tòa phúc thẩm ông bổ sung kháng cáo ông yêu cầu các đồng thừa kế mỗi người giao thêm cho ông 50m² để làm phần đất thổ mộ chung.

Nguyên đơn bà Võ Thị T1 trình bày: yêu cầu giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Người đại diện hợp pháp của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Võ Thị M là chị Lê Thị Đ trình bày: yêu cầu giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là bà Võ Thị L1 trình bày: yêu cầu giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Võ Thị X trình bày: yêu cầu Tòa cấp phúc thẩm chấp nhận kháng cáo của ông Võ Văn H1.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Võ Thị Q trình bày: yêu cầu Tòa cấp phúc thẩm chấp nhận kháng cáo của ông Võ Văn H1.

Quan điểm của kiểm sát viên:

Về tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, người tiến hành tố tụng và người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng các quy định của pháp luật.

Về nội dung: Bản án sơ thẩm chấp nhận một yêu cầu khởi của phía nguyên đơn là có căn cứ. Đề nghị hội đồng xét xử bác kháng cáo của ông Võ Văn H1 giữ nguyên bản án sơ thẩm số 37/2017/DSST ngày 02/8/2017 của Tòa án nhân dân huyện Mỏ Cày Bắc.

Qua nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, lời trình bày của các đương sự, căn cứ vào kết quả tranh luận. Xét kháng cáo của ông Võ Văn H1 và đề nghị của đại diện Viện kiểm sát,

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Hồ sơ vụ án thể hiện ngày 19/6/2017 Tòa án nhân dân huyện M tiến hành tổng đạt Giấy triệu tập số 54/2017/GTT-TA ngày 15/6/2017 và Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 54/2017/QĐXXST-DS ngày 15/6/2017 cho ông Võ Văn H1 nhưng do ông H1 vắng mặt không có ở nhà và không rõ thời điểm trở về nên Tòa án nhân dân huyện M đã lập biên bản về việc không thực hiện được việc tổng đạt và tiến hành thủ tục niêm yết công khai các văn bản nêu trên tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện M, Ủy ban nhân dân xã B và tại nơi cư trú của ông Võ Văn H1 theo quy định tại Điều 179 Bộ luật Tố tụng dân sự. Do ông H1 không có mặt tại phiên Tòa lần thứ nhất ngày 07/7/2017 nên Tòa án nhân dân huyện M đã ra Quyết định hoãn phiên Tòa số 68/2017/QĐST ngày 07/7/2017 và tiến hành thủ tục niêm yết công khai giấy triệu tập và Quyết định trên theo quy định. Tòa án đã triệu tập hợp lệ ông H1 hai lần nhưng ông H1 vắng mặt nên Tòa sơ thẩm tiến hành xét xử vắng mặt ông H1 là đúng theo quy định tại khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Xét kháng cáo của ông H1 về việc không đồng ý chia thừa kế quyền sử dụng đất cho nguyên đơn và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan như án sơ thẩm đã tuyên mà chỉ đồng ý chia cho bà T1, bà M, bà X mỗi người 300m² đất và bà Q 500m² đất. Nhận thấy, các bên đương sự thống nhất di sản cụ C để lại là phần đất qua đo đạc thực tế có diện tích 2.480,6m² thuộc thửa số 8, tờ bản đồ số 2, tọa lạc tại ấp T 1, xã B, huyện M, tỉnh Bến Tre, hiện do ông H1 và vợ con ông

đang quản lý. Cụ C chết năm 2008 không để lại di chúc. Hàng thừa kế của cụ C có tất cả 06 người gồm bà T1, bà M, bà X, bà L1, bà Q và ông H1. Năm 2016 tất cả các anh chị em đã thỏa thuận phân chia phần đất là di sản của cụ C. Theo đó, bà T1 được nhận 400m² đất nhưng sau đó thỏa thuận này không thực hiện được nên bà T1 và những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan khởi kiện yêu cầu chia thừa kế theo pháp luật là phù hợp với qui định của pháp luật. Tòa cấp sơ thẩm chia thừa kế di sản của cụ C thành 6 kỷ phần, bà T1, bà M, bà L1 mỗi người được nhận 1 kỷ phần, ông H1 được nhận 3 kỷ phần do bà Q và bà X từ chối nhận và giao lại cho ông H1 là đúng quy định của pháp luật. Ông H1 có công sức cải tạo, gìn giữ cũng như trồng cây trên đất nên ông được nhận thêm 80m² đất là hoàn toàn thỏa đáng. Ông H1 kháng cáo yêu cầu chia thừa kế cho bà T1, bà L1, bà M, bà X mỗi người 300m² đất, bà Q 500m² đất và tại phiên Tòa phúc thẩm ông yêu cầu các đồng thừa kế mỗi người giao lại cho ông 50 m² đất để làm phần đất thổ mộ chung nhưng bà T1, bà L1, bà M không đồng ý và các đương sự không thỏa thuận được nên kháng cáo của ông H1 không có cơ sở để chấp nhận, giữ nguyên bản án sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện M.

[3] Quan điểm của Đại diện Viện kiểm sát là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[4] Do kháng cáo không được chấp nhận nên ông Võ Văn H1 phải chịu án phí phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự, không chấp nhận kháng cáo của ông Võ Văn H1.

Giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số 37/2017/DSST ngày 02/8/2017 của Tòa án nhân dân huyện Mỏ Cày Bắc.

Cụ thể tuyên:

Căn cứ vào các Điều 649, 650, 651 và 660 Bộ luật Dân sự năm 2015; Pháp lệnh về án phí, lệ phí Tòa án năm 2009; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Võ Thị T1.

Chấp nhận một phần yêu cầu độc lập của người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan Võ Thị M và Võ Thị L1.

Cụ thể tuyên:

1. Chia thừa kế di sản của bà Nguyễn Thị C phần đất diện tích 2480,6m² thuộc thửa số 8, tờ bản đồ số 2 (thửa cũ là thửa số 6, tờ bản đồ số 1), tọa lạc tại ấp T 1, xã B, huyện M, tỉnh Bến Tre như sau:

Bà Võ Thị T1 được quyền sử dụng đất 386,8m² (thửa A-5), thuộc một phần thửa số 8, tờ bản đồ số 2 (thửa cũ là thửa số 6, tờ bản đồ số 1), tọa lạc tại ấp T 1, xã B, huyện M, tỉnh Bến Tre và cây trồng trên đất do ông Võ Văn H1, bà Nguyễn Thị H2 và anh Võ Vũ L2 có trách nhiệm giao lại. Phần đất có tứ cận:

Phía Bắc: giáp một phần thửa số 8 (A-6) cạnh dài 36,93m.

Phía Nam: giáp thửa số 9 cạnh dài 20,67 m.

Phía Đông: giáp Quốc lộ 60 cạnh dài 29,05m.

Phía Tây: giáp thửa số 9 cạnh dài 13,08m.

Bà Võ Thị L1 được quyền sử dụng đất 386,8m² (thửa A-6), thuộc một phần thửa số 8, tờ bản đồ số 2 (thửa cũ là thửa số 6, tờ bản đồ số 1), tọa lạc tại ấp T 1, xã B, huyện M, tỉnh Bến Tre và cây trồng trên đất do ông Võ Văn H1, bà Nguyễn Thị H2 và anh Võ Vũ L2 có trách nhiệm giao lại. Phần đất có tứ cận:

Phía Bắc: giáp một phần thửa số 8 (A-7) cạnh dài 43,93m.

Phía Nam: giáp một phần thửa số 8 (A-5) cạnh dài 36,93m.

Phía Đông: giáp Quốc lộ 60 cạnh dài 8,32m + 3,59m.

Phía Tây: giáp thửa số 9 cạnh dài 9,36m.

Bà Võ Thị M được quyền sử dụng đất 386,8m² (thửa A-7), thuộc một phần thửa số 8, tờ bản đồ số 2 (thửa cũ là thửa số 6, tờ bản đồ số 1), tọa lạc tại ấp T 1, xã B, huyện M, tỉnh Bến Tre và cây trồng trên đất do ông Võ Văn H1, bà Nguyễn Thị H2 và anh Võ Vũ L2 có trách nhiệm giao lại. Phần đất có tứ cận:

Phía Bắc: giáp một phần thửa số 8 (A) cạnh dài 44,45 m.

Phía Nam: giáp một phần thửa số 8 (A-6) cạnh dài 43,93m.

Phía Đông: giáp Quốc lộ 60 cạnh dài 8,78m.

Phía Tây: giáp thửa số 9 cạnh dài 8,81m.

Ông Võ Văn H1 được quyền sử dụng đất 1320,2m² (thửa A), thuộc một phần thửa số 8, tờ bản đồ số 2 (thửa cũ là thửa số 6, tờ bản đồ số 1), tọa lạc tại ấp T 1, xã B, huyện M, tỉnh Bến Tre, cây trồng và các tài sản gắn liền với đất do ông Võ Văn H1, bà Nguyễn Thị H2 và anh Võ Vũ L2 Đ quản lý. Phần đất có tứ cận:

Phía Bắc: giáp Đường đê (sông Cái Cấm) cạnh dài 26,30m + 22,08m.

Phía Nam: giáp một phần thửa số 8 (A-7) cạnh dài 44,45m.

Phía Đông: giáp Quốc lộ 60 cạnh dài 17,20m + 6,71m.

Phía Tây: giáp thửa số 9 cạnh dài 34,72m.

(Có họa đồ hiện trạng sử dụng đất kèm theo).

Buộc các đương sự phải giữ nguyên hiện trạng phần đất đang tranh chấp thuộc thửa số 8, tờ bản đồ số 2 (thửa cũ là thửa số 6, tờ bản đồ số 1), tọa lạc ấp T

1, xã B, huyện M, tỉnh Bến Tre để đảm bảo thi hành án. Ông Võ Văn H1 phải có nghĩa vụ giao phần đất nêu trên cho các đồng thừa kế.

Bà Võ Thị T1, ông Võ Văn H1, bà Võ Thị L1, bà Võ Thị M được quyền liên hệ với cơ quan Nhà nước có thẩm quyền để làm thủ tục cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với diện tích đất được nhận nêu trên theo quy định của pháp luật khi bản án có hiệu lực pháp luật.

2. Chi phí đo đạc, định giá: Ông Võ Văn H1 phải chịu 2.151.000đồng, bà Võ Thị T1, bà Võ Thị L1, bà Võ Thị M mỗi người phải chịu 631.000đồng. Do bà Võ Thị T1 đã tạm nộp xong nên buộc ông H1 phải hoàn trả cho bà T1 2.151.000đồng (hai triệu một trăm năm mươi một ngàn đồng). Bà L1, bà M mỗi người phải hoàn trả cho bà T1 631.000đồng (sáu trăm ba mươi một ngàn đồng).

3. Án phí dân sự sơ thẩm:

- Ông Võ Văn H1 phải chịu 7.261.000đồng (bảy triệu hai trăm sáu mươi một ngàn đồng).

- Bà Võ Thị T1 phải chịu 2.127.000đồng (hai triệu một trăm hai mươi bảy ngàn đồng) nhưng được khấu trừ vào tạm ứng án phí đã nộp số tiền 1.120.000đồng theo biên lai thu số 0004142 ngày 27/5/2016 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện M. Bà T1 phải nộp tiếp 1.007.000đồng (một triệu không trăm lẻ bảy ngàn đồng).

- Bà Võ Thị L1 phải chịu 2.127.000đồng (hai triệu một trăm hai mươi bảy ngàn đồng) nhưng được khấu trừ vào tạm ứng án phí đã nộp số tiền 1.120.000đồng theo biên lai thu số 0004225 ngày 27/6/2016 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện M. Bà L1 phải nộp tiếp 1.007.000đồng (một triệu không trăm lẻ bảy ngàn đồng).

- Bà Võ Thị M phải chịu 2.127.000đồng (hai triệu một trăm hai mươi bảy ngàn đồng) nhưng được khấu trừ vào tạm ứng án phí đã nộp số tiền 1.120.000đồng theo biên lai thu số 0004226 ngày 27/6/2016 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện M. Bà M phải nộp tiếp 1.007.000đồng (một triệu không trăm lẻ bảy ngàn đồng).

4. Án phí dân sự phúc thẩm:

- Ông Võ Văn H1 phải chịu 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) nhưng được khấu trừ vào tạm ứng án phí đã nộp số tiền 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu số 0008703 ngày 05/9/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện M.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều

9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Bến Tre;
- TAND huyện M;
- Chi cục THADS huyện M;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, văn phòng.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**
(đã ký)

Huỳnh Ngọc Dũng